TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 8 - 2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trần Thị Sâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tử Nam
2. Ông Đinh Tr Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Sungindong, Jongrodu, Seoulsi, Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn Tr giao, nhận văn bản tố tụng: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ dân phố 5, phường TV, quận NTL, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số chứng thực 1056 có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 08/6/2023).

Tại phiên tòa có mặt: chị Ph, bà M, vắng mặt anh Tr (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2023, bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Lê Văn Tr có được tự do tìm hiểu tự nguyện, không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình ngày 15/12/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ chị Ph tại xã KM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình một thời gian. Sau đó anh chị chuyển chỗ ở đến thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống, anh Tr chơi bời, cờ bạc, quan hệ bất chính dẫn đến cãi nhau, làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc. Ngày 12/10/2010 anh Tr đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2015 anh Tr về Việt Nam khoảng một tuần sau đó lại sang Hàn Quốc, từ đó đến nay không về. Trong thời gian đầu anh Tr đi lao động tại Hàn Quốc vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, từ năm 2017 đến nay anh Tr không liên lạc, không quan tâm gì đến vợ con, không gửi tiền về nuôi con. Nay chị Ph xét thấy tình cảm giữa chị Ph và anh Tr thực sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị Ph có trao đổi với anh Tr về việc ly hôn và để cho chị Ph nuôi cả hai con, anh Tr cũng đồng ý ly hôn. Do vậy chị Ph đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị Ph được ly hôn với anh Lê Văn Tr để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị Ph và anh Lê Văn Tr có 02 con chung là cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc Huy, sinh ngày 31/10/2008, hiện nay cả 2 cháu đang ở với chị Ph. Khi ly hôn chị Ph xin được chăm sóc nuôi cả 2 con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Ph và anh Tr tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/7/2023, đơn xin giải quyết sớm và xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Tr và chị Trần Thị Ph đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã KM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mặc dù đã nhiều lần hoà giải, hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không thể khắc phục được, anh chị đã sống ly thân. Hiện nay, anh chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị Trần Thị Ph.

Về con chung: anh Tr và chị Trần Thị Ph có 02 con chung là cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc H, sinh ngày 31/10/2008. Khi ly hôn chị Ph xin nuôi cả hai con, anh Tr đồng ý để chị Ph chăm sóc, nuôi hai

cháu và anh không phải đóng góp nuôi con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nếu có là do anh tự nguyện. Anh vẫn có trách nhiệm với con trong mọi công việc cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị Ph có trách nhiệm nuôi dạy, bảo ban con chung, đi lại thăm hỏi, giữ gìn tình cảm tốt đẹp giữa bố con và hai bên ông bà nội ngoại.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị Ph tự thoả thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện anh Tr đang lao động tại Hàn Quốc, công việc bận không thể về Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn với chị Ph được, anh Tr có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Các văn bản, giấy tờ anh đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ dân phố 5, phường TV, quận NTL, thành phố Hà Nội, thay mặt anh giao nộp các văn bản của anh cho Tòa án và các văn bản của Tòa án gửi cho anh, bà M nhận thay cho anh Tr.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/7/2023 của cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc Huy, sinh ngày 31/10/2008; địa chỉ khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình trình bày: các cháu là con bố Lê Văn Tr và mẹ Trần Thị Ph. Thời gian gần đây bố mẹ các cháu hay xích mích không hoà hợp, Tr hợp bố mẹ không ở với nhau và xin ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ, vì hiện tại hai anh em đều đang ở với mẹ, bố các cháu đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc.

Tại biên bản xác minh ngày 14/7/2023, UBND thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cung cấp: chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr có hộ khẩu thường trú tại khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc Huy, sinh ngày 31/10/2008, hiện cả hai cháu đang ở với chị Ph. Anh Tr hiện đang đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc đến nay chưa về, địa chỉ cụ thể của anh Tr như thế nào chính quyền địa Ph không biết. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị Ph như thế nào chính quyền địa Ph không rõ. Nay chị Ph làm đơn xin ly hôn với anh Tr, quan điểm của chính quyền địa Ph đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ph được ly hôn anh Lê Văn Tr và xin được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy

đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ph; xử: cho chị Trần Thị Ph được ly hôn anh Lê Văn Tr; Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc H, sinh ngày 31/10/2008 cho chị Trần Thị Ph tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung của người không trực tiếp nuôi con; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Ph có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Bị đơn anh Lê Văn Tr có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hiện đang làm việc tại Sungindong, Jongrodu, Seoulsi, Hàn Quốc (có xác nhận Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc); địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, anh Tr đã có văn bản trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết sớm và xét xử vắng mặt đề ngày 04/7/2023 và Hộ chiếu anh Tr (được chứng thực tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc). Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Tr theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã KM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân giữa chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngày 12/10/2010 anh Tr đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2015 anh Tr về Việt Nam khoảng một tuần sau đó lại sang Hàn Quốc, từ đó đến nay không về, vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh Tr và chị Ph là không có, mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng. Chị Ph đã liên lạc với anh Tr về vấn đề ly hôn, anh Tr cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng không có thiện trí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh chị đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại anh Tr đang làm ăn sinh sống tại Hàn Quốc, chị Ph đang làm ăn cư trú ở Việt Nam, đồng thời do xa cách về địa lý, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Lê Văn Tr và chị Trần Thị Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ph là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ph.

[3.2]. Về con chung: chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr đều xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc H, sinh ngày 31/10/2008, hiện nay hai cháu đang ở với chị Ph tại khối 11, thị trấn BM, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị Ph đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh Tr đang ở Hàn Quốc chưa về. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/7/2023, anh Lê Văn Tr đồng ý để chị Ph được nuôi các cháu và anh không phải đóng góp nuôi con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nếu có là do anh tự nguyện. Xét thấy, hiện tại anh Tr đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc chưa về nước, chị Ph hiện nay đang ở nhà, có chỗ ở ổn định, có công ăn việc làm có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, do đó việc chị Ph đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là có căn cứ. Vì vậy, cần giao cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu Lê Trần Anh Nh và cháu Lê Trần Quốc Huy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ph không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không

xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ph và anh Tr đều xác định tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với anh Lê Văn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr. Hôn nhân giữa chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn Tr chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Anh Nh, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Lê Trần Quốc Huy, sinh ngày 31/10/2008 cho chị Trần Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn Tr có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Tr thực hiện quyền này. Khi cần anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ph không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Do vậy không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ph và anh Tr đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000068 ngày 30/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn chị Trần Thị Ph có mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 8 năm 2023); Bị đơn anh Lê Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Thị Sâm